

**BỘ THƯƠNG MẠI**

**QUYẾT ĐỊNH số 321/1998/QĐ-BTM**  
**ngày 14-3-1998 về việc ban hành**  
**Quy định chi tiết thực hiện Nghị**  
**định số 12-CP ngày 18-2-1997 và số**  
**10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998**  
**của Chính phủ liên quan đến**  
**xuất nhập khẩu, tiêu thụ sản**  
**phẩm tại Việt Nam và gia công**  
**của các doanh nghiệp có vốn**  
**đầu tư nước ngoài và các bên hợp**  
**doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác**  
**kinh doanh.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

*Căn cứ Nghị định số 95-CP ngày 4-12-1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;*

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 12-CP ngày 18-2-1997 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này:*

Quy định chi tiết về việc thực hiện Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 và số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam và gia công của các doanh nghiệp

có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh.

*Điều 2.- Các cơ quan chức năng của Bộ Thương mại, các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trong hợp đồng hợp tác kinh doanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.*

*Điều 3.- Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thay thế Thông tư số 3/TM-ĐT ngày 2-7-1993 của Bộ Thương mại.*

*Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.*

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại  
*Thủ trưởng*

MAI VĂN DẦU

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT về việc thực**  
**hiện Nghị định số 12-CP ngày**  
**18-2-1997 và số 10/1998/NĐ-CP**  
**ngày 23-1-1998 của Chính phủ**  
**liên quan đến hoạt động xuất**  
**nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại**  
**Việt Nam và gia công của các doanh**  
**nh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**  
**và các bên hợp doanh trên cơ sở**  
**hợp đồng hợp tác kinh doanh**

*(ban hành theo Quyết định số 321/1998/QĐ-BTM ngày 14-3-1998 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).*

*Điều 1.- Phạm vi và đối tượng áp dụng:*

1.1. Bản Quy định này quy định cụ thể nội dung, thủ tục về việc nhập khẩu để xây dựng cơ bản tạo tài sản cố định, nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất, xuất khẩu sản phẩm do doanh

ngành sản xuất, xuất khẩu sản phẩm không do doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam và gia công của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là doanh nghiệp).

1.2. Các doanh nghiệp căn cứ vào bản Quy định này lập kế hoạch nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh gửi về Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền để được xem xét phê duyệt kế hoạch xuất nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam và đăng ký thực hiện hợp đồng gia công.

1.3. Các cơ quan chức năng của Bộ Thương mại và các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền căn cứ vào quy định của bản Quy định này để duyệt kế hoạch xuất nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam và đăng ký hợp đồng gia công kịp thời cho các doanh nghiệp.

1.4. Kế hoạch xuất nhập khẩu đã được Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền duyệt và hợp đồng gia công đã được Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền đăng ký là cơ sở để doanh nghiệp làm thủ tục tại các cơ quan Hải quan.

*Điều 2.- Thời hạn xét duyệt kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam và gia công của các doanh nghiệp:*

2.1. Đối với Bộ Thương mại: Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Bộ Thương mại ra văn bản duyệt kế hoạch nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam của doanh nghiệp (ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày ghi trên dấu văn thư của Bộ Thương mại).

2.2. Đối với các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền: các cơ quan được Bộ Thương mại ủy

quyền căn cứ vào Quy định này có trách nhiệm xem xét phê duyệt kịp thời kế hoạch nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam thuộc lĩnh vực được giao quản lý cho các doanh nghiệp nhưng không quá 15 ngày theo quy định của Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 (ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày ghi trên dấu văn thư của cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền).

2.3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản để doanh nghiệp bổ sung, điều chỉnh hồ sơ. Ngày chính thức tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ là ngày ghi trên dấu văn thư công văn đến của Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền trên văn bản cuối cùng.

2.4. Thời hạn đăng ký hợp đồng gia công của các doanh nghiệp: Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền đăng ký hợp đồng gia công cho doanh nghiệp.

2.5. Hồ sơ cần thiết gửi về Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền được quy định tại các Điều liên quan dưới đây.

*Điều 3.- Về kế hoạch nhập khẩu để xây dựng cơ bản tạo tài sản cố định:*

3.1. Căn cứ Giấy phép đầu tư, giải trình kinh tế - kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật (với trường hợp khi có các thay đổi so với giải trình kinh tế kỹ thuật), doanh nghiệp lập kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, trang bị, vật liệu xây dựng, phương tiện vận chuyển để xây dựng công trình tạo tài sản cố định.

Kế hoạch nhập khẩu này có thể lập cho toàn bộ dự án, hoặc chia thành từng công đoạn phù hợp với tiến độ xây dựng của dự án.

Doanh nghiệp có thể đề nghị Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền bổ sung điều chỉnh kế hoạch nhập khẩu nói trên.

3.2. Nếu kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng, phương tiện vận chuyển chưa phù hợp với Giấy phép đầu tư và Giải trình kinh tế kỹ thuật thì phải được xác nhận của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư trong những trường hợp sau đây:

3.2.1. Không phù hợp về trị giá nhập khẩu:

- Trị giá nhập khẩu cho từng hạng mục vật tư xây dựng, máy móc, thiết bị vượt quá 10% đối với những hạng mục có vốn phân bổ nhập khẩu đến 5.000.000 USD.

- Trị giá nhập khẩu cho từng hạng mục vật tư xây dựng, máy móc, thiết bị vượt quá 500.000 USD đối với hạng mục có vốn phân bổ nhập khẩu trên 5.000.000 USD.

3.2.2. Giải trình kinh tế kỹ thuật không quy định về cơ cấu vốn phân bổ cho từng hạng mục máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng, phương tiện vận chuyển, thiết bị văn phòng... cần nhập khẩu.

3.2.3. Giải trình kinh tế kỹ thuật không có danh mục cụ thể về máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, vật tư trang bị, phương tiện vận chuyển hoặc danh mục máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, vật tư trang bị, phương tiện vận chuyển thay đổi dẫn đến thay đổi mục tiêu sản xuất, năng lực sản xuất, kinh doanh, quy trình công nghệ, có ảnh hưởng đến môi trường.

3.2.4. Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư trang bị... đã qua sử dụng không phù hợp với quy định của Giấy phép đầu tư.

(Thời hạn duyệt kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng hình thành doanh nghiệp như đã ghi ở Điều 2).

3.3. Hồ sơ gửi đến Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền gồm:

3.3.1. Công văn đề nghị nhập khẩu kèm theo:

- Báo cáo tóm tắt các nét chính của doanh nghiệp (Báo cáo này chỉ gửi một lần ban đầu sau khi thành lập doanh nghiệp).

- Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư trang bị, vật liệu xây dựng, phương tiện vận chuyển v.v... nhập khẩu để tạo tài sản cố định.

Trong công văn cần nêu rõ thời gian dự kiến hoàn thành xây dựng cơ bản (thời gian theo giải trình kinh tế kỹ thuật và thời gian dự kiến của doanh nghiệp trên cơ sở thực tế).

3.3.2. Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh nếu là hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng (bản sao).

3.3.3. Giải trình kinh tế kỹ thuật.

3.3.4. Thiết kế kỹ thuật (trường hợp có thay đổi so với giải trình kinh tế kỹ thuật).

3.3.5. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng).

**Điều 4.- Về nhập khẩu bổ sung thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, vật tư trang bị, phương tiện vận chuyển v.v... để mở rộng sản xuất, đầu tư chiều sâu:**

4.1. Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, vật tư trang bị, phương tiện vận chuyển, v.v ... để mở rộng sản xuất hoặc đầu tư chiều sâu thuộc vốn đầu tư được giải quyết trên cơ sở Giấy phép đầu tư điều chỉnh tăng vốn đầu tư.

4.2. Thời hạn duyệt kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng bổ sung để mở rộng sản xuất như đã ghi ở Điều 2.

4.3. Hồ sơ gửi Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền gồm:

- Công văn đề nghị nhập khẩu,
- Giải trình kinh tế kỹ thuật tăng vốn của doanh nghiệp đã trình cơ quan cấp Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy phép đầu tư điều chỉnh.
- Danh mục thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, vật tư trang bị, phương tiện vận chuyển v.v... nhập khẩu. Danh mục này phải phù hợp với vốn phân bổ nhập khẩu, danh mục quy định trong giải trình xin tăng vốn nói trên.

**Điều 5.-** Về kế hoạch nhập khẩu nguyên phụ liệu, vật tư cho sản xuất:

Căn cứ Giấy phép đầu tư, giải trình kinh tế kỹ thuật, tình hình thực hiện kế hoạch xuất nhập khẩu năm trước, doanh nghiệp lập kế hoạch nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất, gửi Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền để xem xét phê duyệt.

Kế hoạch nhập khẩu nguyên phụ liệu có thể được điều chỉnh bổ sung.

Thời hạn duyệt kế hoạch nhập khẩu nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất như đã ghi ở Điều 2.

**Điều 6.-** Về kế hoạch xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất theo quy định tại Giấy phép đầu tư:

Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của Giấy phép đầu tư và công suất sản xuất thực tế hàng năm lập kế hoạch xuất khẩu và tiêu thụ tại Việt Nam sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất.

Doanh nghiệp được trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất.

Trường hợp thực tế do khó khăn thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp không đảm bảo được tỷ lệ quy định của Giấy phép đầu tư, phải báo cáo Bộ Thương mại để điều chỉnh kế hoạch xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam hàng năm.

Nếu 3 năm liên tục không thực hiện được tỷ lệ xuất khẩu quy định tại Giấy phép đầu tư, doanh nghiệp phải đề nghị cơ quan cấp Giấy phép đầu tư để xem xét điều chỉnh tỷ lệ xuất khẩu và các ưu đãi quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc thu hồi Giấy phép đầu tư.

**Điều 7.-** Về việc xuất khẩu sản phẩm không do doanh nghiệp sản xuất theo quy định tại Giấy phép đầu tư:

7.1. Các doanh nghiệp được trực tiếp mua hoặc thông qua doanh nghiệp trong nước để mua những mặt hàng không do doanh nghiệp sản xuất theo quy định của Giấy phép đầu tư để chế biến xuất khẩu hoặc xuất khẩu, trừ những mặt hàng ghi trong Phụ lục I kèm theo. Riêng hàng thủ công mỹ nghệ sản xuất từ gỗ phải có chứng nhận về nguồn gốc gỗ nguyên liệu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục này sẽ được điều chỉnh, công bố theo quyết định hàng năm của Chính phủ về quản lý về điều hành xuất nhập khẩu.

7.2. Kế hoạch xuất khẩu sản phẩm không do doanh nghiệp sản xuất phải được đăng ký tại Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền.

Thời hạn duyệt kế hoạch xuất khẩu của doanh nghiệp như đã ghi ở Điều 2.

7.3. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép ủy thác xuất khẩu hoặc nhận xuất khẩu ủy thác những mặt hàng do doanh nghiệp sản xuất và những mặt hàng không do doanh nghiệp sản xuất nêu ở Điều 7 này.

7.4. Việc xuất khẩu và xuất khẩu ủy thác nói trên chỉ được thực hiện sau khi doanh nghiệp đã hoàn thành xây dựng cơ bản đi vào sản xuất.

Việc xuất khẩu và xuất khẩu ủy thác thực hiện theo những quy định hiện hành về quản lý xuất, nhập khẩu.

**Điều 8.**- Chế độ thuế trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất sản phẩm bán cho doanh nghiệp khác làm nguyên liệu để trực tiếp sản xuất ra thành phẩm xuất khẩu:

8.1. Doanh nghiệp được bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất cho các doanh nghiệp khác dùng làm nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và được miễn thuế nhập khẩu đối với số nguyên liệu tương ứng.

Việc mua bán thực hiện theo hợp đồng kinh tế phù hợp với các văn bản pháp quy hiện hành.

Việc miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu chỉ được giải quyết sau khi sản phẩm cuối cùng đã được xuất khẩu.

Hồ sơ và việc xem xét cho miễn thuế nguyên liệu tương ứng do cơ quan Hải quan quy định và giải quyết.

8.2. Trường hợp doanh nghiệp bán sản phẩm cho một doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với số nguyên liệu tương ứng.

8.3. Trị giá sản phẩm doanh nghiệp bán cho doanh nghiệp khác làm nguyên liệu tiếp tục sản xuất hàng xuất khẩu không tính vào trị giá kim ngạch xuất khẩu hàng năm của doanh nghiệp.

8.4. Kế hoạch bán sản phẩm nói trên là một phần của kế hoạch tổng thể tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam của doanh nghiệp do Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt hàng năm.

**Điều 9.**- Quy định về hoạt động gia công:

9.1. Doanh nghiệp được thực hiện hoạt động gia công hoặc gia công lại sản phẩm theo mục tiêu được quy định tại Giấy phép đầu tư, cụ thể các hoạt động sau:

- Nhận gia công với nước ngoài.

- Nhận gia công trong nước.

- Đưa đi gia công trong nước một phần sản phẩm hoặc một số công đoạn mà công suất máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ chưa bảo đảm sản xuất được.

9.2. Hồ sơ gửi đến Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền để đăng ký hợp đồng gia công gồm:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh nếu là hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng (bản sao).

- Hợp đồng gia công và các phụ kiện kèm theo hợp đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, xuất xứ hàng hóa đang có hiệu lực.

- Định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư cho một đơn vị sản phẩm và bản giải trình phương pháp tính định mức làm căn cứ cho cơ quan đăng ký kiểm tra trước, trong và sau khi đăng ký thực hiện hợp đồng gia công.

Thời hạn đăng ký hợp đồng gia công như đã nêu ở Điều 2.

9.3. Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về định mức sử dụng nguyên liệu và tỷ lệ hao hụt trong gia công.

**Điều 10.**- Chế độ báo cáo định kỳ:

Ba tháng một lần các doanh nghiệp gửi về Bộ Thương mại và Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo thực hiện các kế hoạch Bộ Thương mại đã duyệt; cụ thể:

- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng cơ bản,

- Nhập khẩu nguyên phụ liệu, vật tư phục vụ sản xuất, kinh doanh,

- Xuất khẩu trực tiếp, xuất khẩu ủy thác, ủy thác xuất khẩu,

- Tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam (trong đó tách riêng phần bán cho các doanh nghiệp khác làm nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu),

Các báo cáo thực hiện nêu rõ tên hàng, số lượng, trị giá.

- Các kiến nghị nếu có.

Trường hợp cần thiết đột xuất các doanh nghiệp có báo cáo theo yêu cầu của Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền.

Hai lần liên tiếp doanh nghiệp không gửi báo cáo định kỳ, Bộ Thương mại sẽ từ chối việc xét duyệt kế hoạch nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm tiếp theo.

**Điều 11.** - Điều khoản thi hành:

Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Ban Quản lý các Khu công nghiệp đã được Bộ Thương mại ủy quyền thông báo nội dung Quy định này cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài biết và thực hiện, đồng thời phản ánh cho Bộ Thương mại những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp.

Các cán bộ, viên chức của Bộ Thương mại và của các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của văn bản này. Trường hợp vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại  
*Thủ trưởng*

MAI VĂN DẦU

### PHỤ LỤC I

#### DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG DOANH NGHIỆP KHÔNG SẢN XUẤT THEO GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ KHÔNG ĐƯỢC XUẤT KHẨU NĂM 1998

#### DANH MỤC 1

##### HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU NĂM 1998

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).

1. Vũ khí đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.

2. Đồ cổ.

3. Các loại ma túy.

4. Hóa chất độc.

5. Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ bóc, củi, than hầm từ gỗ hoặc củi, các sản phẩm gỗ lâm sản sản xuất từ nhóm IA và ván tinh chế sản xuất từ nhóm IIA trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992, song mây, nguyên liệu.

6. Các loại động vật hoang và động vật, thực vật quý hiếm tự nhiên.

#### DANH MỤC 2

##### MẶT HÀNG XUẤT KHẨU QUẢN LÝ BẰNG HẠNG NGẠCH 1998

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).

- Gạo.

- Hàng dệt, may xuất khẩu vào EU, Canada, Nauy, Thổ Nhĩ kỳ.

**DANH MỤC 3**  
**HÀNG HÓA XUẤT KHẨU THEO**  
**QUY ĐỊNH RIÊNG**

1. Chất nổ, chất dễ cháy (trừ mặt hàng diêm).
2. Sách báo.
3. Ngọc trai, đá quý, kim loại quý (trừ đồ kim hoàn giả).
4. Tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm, đồ cổ.
5. Sản phẩm gỗ (trừ hàng thủ công mỹ nghệ đã được quy định tại Điều 7).
6. Cà phê.
7. Động vật rừng.
8. Thực vật rừng dùng làm giống.
9. Thủy sản.
10. Khoáng sản.

Trường hợp các doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh để sản xuất những mặt hàng nói trên thì việc xuất khẩu thực hiện theo Giấy phép đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan.

**BỘ XÂY DỰNG**

**CHỈ THỊ số 1/1998/CT-BXD ngày**  
**12-3-1998 về đẩy mạnh công tác**  
**cải cách thủ tục hành chính trong**  
**ngành xây dựng.**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VII và Nghị quyết số 38-CP ngày 4-5-1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc

giải quyết công việc của công dân và tổ chức, thời gian vừa qua Bộ Xây dựng đã tổ chức tiến hành cải cách trên các lĩnh vực và đã đạt được những kết quả nhất định.

Để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, nhiều văn bản quy phạm pháp luật ngành xây dựng đã được Bộ Xây dựng ban hành hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung trình Chính phủ ban hành.

Các văn bản này do có hướng dẫn đồng bộ và tổ chức tập huấn kịp thời nên sớm phát huy tác dụng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ đầu tư trong nước và nước ngoài, nhất là thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng có vốn đầu tư nước ngoài, công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đã được rút gọn lại đến giai đoạn thiết kế kỹ thuật, chủ đầu tư không phải làm thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng. Hiện nay, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện việc phân cấp và ủy quyền việc cấp giấy phép xây dựng công trình cho Kiến trúc sư trưởng, Ủy ban Nhân dân cấp quận, huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, đáp ứng được yêu cầu của tổ chức và công dân. Một số thủ tục cấp đất và cấp phép xây dựng đã được đơn giản hóa. Việc cấp chứng chỉ năng lực hành nghề xây dựng được tập trung vào một đầu mối là Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng tùy theo loại doanh nghiệp.

Khôi cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức, cải tiến lề lối làm việc nhằm nâng cao hiệu suất công tác, công tác pháp chế ngành được tăng cường, củng cố. Bộ đã ban hành Quy chế tiếp dân, cải tiến quy trình và thủ tục thẩm định các dự án quy hoạch xây dựng, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng trong cơ quan Bộ, việc áp dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Bộ và các tổ chức kinh doanh của Bộ đã phát triển phục vụ kịp thời cho công tác quản lý và điều hành sản xuất.